

(K±m theo quy t L nh s : /Qñ -ñ HKT-ñ T ng©y)

STT	L p	H v©t²n	Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
1	DH43KO001	Lê Quang Huy	29/08/1998	Nam	B n Tre	6.80	TB Khá
2	DH43KO001	Nghiêm Quang Huy	17/06/1999	Nam	Hà Tây	6.89	TB Khá
3	DH43KO001	V½Th Nguy²n L c	25/06/1999	N	B©R a - Vlog T@	7.01	Khá
4	DH43KO001	Ph m Th H ng Ly	01/09/1999	N	ñ k L k	6.82	TB Khá
5	DH43KO001	Huunh Gia H© My	12/06/1999	N	Kon Tum	7.43	Khá
6	DH43KO001	Tr n Th Thanh Nhàn	09/10/1999	N	Phú Yên	7.17	Khá
7	DH43KO001	Tr n H ng Nhung	03/07/1999	N	Khánh Hòa	7.24	Khá
8	DH43KO001	L² Qu c Phong	05/12/1999	Nam	Bpnh Thu n	7.32	Khá
T ng s : 8 sinh vi²n							

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2021.

TL. HI U TR NG
KT. TR NG PHđ NG ñì O T O
PHđ' TR NG PHđ NG

DANH SÁCH SINH VIÊN ãI U KI N T TNGHI P ã T 1 Nĩ M 2021
KHđ'A 43 - ã I H C CHđNH QUY

(K±m theo quy t L nh s : /Qã -ã HKT-ã T ng@y)

NGÀNH : K TOÁN

CHUYÊN NGÀNH : K TOÁN DOANH NGHIỆP

STT	L p	H v©t²n	Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ãi m TB	X p h ng
1	DH43KN001	Nguy n ãi o@n Lan Anh	06/12/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.03	Khá
2	DH43KN001	Lê Thúy H ng	23/12/1999	N	TP. H Ch' Minh	8.18	Gi i
3	DH43KN001	Nguy n Thanh Hoan	07/03/1999	Nam	Bnh Thu n	7.19	Khá
4	DH43KN001	Ph m L² Kh' nh H ng	08/04/1999	N	Phú Yên	7.07	Khá
5	DH43KN001	Nguy n Minh Kh' nh Linh	15/04/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.25	Khá
6	DH43KN001	Nguy n H Ng c M	20/10/1999	N	Trà Vinh	7.22	Khá
7	DH43KN001	ã Th B'ch Ngán	06/05/1998	N	Th a Thi²n Hu	7.26	Khá
8	DH43KN001	Nguy n Th Ng c	11/04/1999	N	Ngh An	7.21	Khá
9	DH43KN001	Nguy n VÑĩ Nhân	17/02/1999	Nam	Qu ng Nam	7.26	Khá
10	DH43KN001	H' Wel Niê	01/03/1999	N	ã k L k	7.67	Khá
11	DH43KN001	Tr ng Th Phúc	16/10/1999	N	Bnh Thu n	7.34	Khá
12	DH43KN001	L² Th Thanh Ph ng	16/09/1999	N	Bnh Ph c	7.54	Khá
13	DH43KN001	L² Th B'ch Quyên	04/05/1999	N	Bnh ã nh	7.19	Khá
14	DH43KN001	Ph m Ng c Nh Quanh	17/07/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.03	Khá
15	DH43KN001	Ph m Th Thanh Tâm	16/02/1999	N	ã ng Nai	7.17	Khá
16	DH43KN001	T Nguy n Th ch Th o	02/04/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.10	Khá
17	DH43KN001	Ph m Anh Th	24/02/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.59	Khá
18	DH43KN001	L² Th Minh Thuy	13/05/1999	N	Qu ng Ng-i	7.54	Khá
19	DH43KN001	L² Th Huy n Trang	24/04/1999	N	Qu ng Tr	7.27	Khá
20	DH43KN001	L u Th Th³y Tri u	01/04/1999	N	Qu ng Ng-i	7.23	Khá
21	DH43KN001	ã inh C m Tú	31/10/1999	N	B n Tre	7.23	Khá
22	DH43KN001	L² Th T³y Uyên	10/10/1999	N	Khánh Hòa	7.00	Khá
23	DH43KN002	D ng Th Quanh An	20/06/1999	N	Ngh An	7.59	Khá
24	DH43KN002	Nguy n Ho@ng Tr³m Anh	04/01/1999	N	Bnh Ph c	6.85	TB Khá
25	DH43KN002	ã ng Th Ng c Ánh	14/09/1999	N	Nam ã nh	7.95	Khá
26	DH43KN002	Tr ng Th Kim Cúc	14/09/1999	N	Qu ng Ng-i	7.58	Khá

STT	L p	H v©t²n	Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
27	DH43KN002	Nguy n Th Th¾y H ng	07/04/1999	N	Ti n Giang	7.06	Khá
28	DH43KN002	VHQB'ch H nh	20/06/1999	N	ñ k L k	7.15	Khá
29	DH43KN002	Ph m Tr n Hoàn	22/09/1999	Nam	Gia Lai	7.31	Khá
30	DH43KN002	Ph m Th Lan H ng	03/06/1999	N	Qu ng Ng-i	7.32	Khá
31	DH43KN002	Tr nh Ph ng Khanh	25/09/1999	N	Qu ng Nam	7.04	Khá
32	DH43KN002	L² Ng c Tr¾c Lam	19/03/1999	N	B¶nh Thu n	7.39	Khá
33	DH43KN002	ñinh Kh"nh Linh	10/10/1999	N	Khánh Hòa	7.36	Khá
34	DH43KN002	Nguy n Th Ho@ Linh	28/12/1999	N	ñ ng Nai	7.18	Khá
35	DH43KN002	Tr n H Ho@ng M	06/12/1999	N	Lªm ñ ng	7.37	Khá
36	DH43KN002	H Th Kim Ngân	21/06/1999	N	TP. H Ch' Minh	8.34	Gi i
37	DH43KN002	L² Th Tuy t Nhi	28/09/1999	N	ñ ng Nai	7.09	Khá
38	DH43KN002	Nguy n Kim Ph ng	30/10/1999	N	Long An	6.66	TB Khá
39	DH43KN002	Tr n Th Tr¾c Quunh	14/04/1999	N	An Giang	7.46	Khá
40	DH43KN002	V½Th H ng Thoa	03/04/1999	N	Qu ng Ng-i	7.46	Khá
41	DH43KN002	Phan Tr n Minh Th	27/01/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.34	Khá
42	DH43KN002	Nguy n Th Thu Ti t	21/05/1999	N	Kon Tum	7.43	Khá
43	DH43KN002	ñinh Th Ng c Tú	12/02/1999	N	Tây Ninh	7.37	Khá
44	DH43KN002	Tr n Thanh T ng Vy	04/12/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.72	Khá
45	DH43KN003	Nguy n L² Ng c Mai Anh	14/03/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.12	Khá
46	DH43KN003	Qu"ch Ti u Bình	05/10/1999	Nam	TP. H Ch' Minh	7.73	Khá
47	DH43KN003	ñ o@Nguy n Th¿y Dung	04/10/1999	N	Ti n Giang	7.25	Khá
48	DH43KN003	Nguy n Th Thu Hà	10/06/1999	N	ñ k L k	6.84	TB Khá
49	DH43KN003	ñ Th Ng c Hi n	30/09/1999	N	Gia Lai	7.45	Khá
50	DH43KN003	Nguy n Th Thu Hu	08/03/1999	N	H©TBh	7.74	Khá
51	DH43KN003	L² Th Y n Lan	12/02/1999	N	B¶nh ñ nh	7.11	Khá
52	DH43KN003	Ho@ng Th Trang Chªu Long	01/02/1999	N	B©R a - VH@ng T@u	8.35	Gi i
53	DH43KN003	Nguy n Ng» Nh t Minh	05/12/1999	Nam	Ti n Giang	7.42	Khá
54	DH43KN003	L² Th M ng Ngân	05/02/1999	N	B n Tre	7.83	Khá
55	DH43KN003	Ng» H u Phát	06/12/1999	Nam	Khánh Hòa	7.95	Khá
56	DH43KN003	Nguy n Th Kim Ph ng	04/11/1999	N	Lªm ñ ng	7.73	Khá
57	DH43KN003	Ninh Th Ng c Ph ng	12/06/1999	N	B n Tre	7.37	Khá
58	DH43KN003	Ph m Th H ng Th m	09/08/1999	N	ñ ng Nai	7.30	Khá
59	DH43KN003	B¿i Th Ph ng Th o	17/06/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.27	Khá
60	DH43KN003	Tr n Th Ph ng Th o	09/04/1999	N	H©TBh	7.25	Khá
61	DH43KN003	L² Th Thu	25/11/1999	N	Kiên Giang	6.90	TB Khá

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
62	DH43KN003	Thªn Th Minh	Th	06/08/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.25	Khá
63	DH43KN003	ñinh Th	Thúy	03/08/1999	N	ñ k L k	7.18	Khá
64	DH43KN003	ñ ng Th M	Trình	27/01/1999	N	B©R a - VHOg T©	7.39	Khá
65	DH43KN003	Cao Th H ng	VJO	13/11/1999	N	Qu ng Ng-i	7.34	Khá
66	DH43KN003	Tr n Th Th o	Vy	17/12/1999	N	Long An	8.27	Gi i
67	DH43KN004	L² Ng c	Ánh	07/07/1999	N	Qu ng Ng-i	7.73	Khá
68	DH43KN004	Tr n Th H nh	Dung	25/04/1999	N	Bjnh Ph c	7.07	Khá
69	DH43KN004	Nguy n Th M	Duyên	26/11/1999	N	Long An	7.00	Khá
70	DH43KN004	VHOTh	Hà	06/10/1999	N	ñ k L k	7.30	Khá
71	DH43KN004	Nguy n Th Thu	Hi n	28/07/1998	N	Qu ng Bjnh	8.27	Gi i
72	DH43KN004	H Minh	Khánh	18/04/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.49	Khá
73	DH43KN004	Nguy n Th Thçy	Linh	15/11/1999	N	ñ ng Nai	7.66	Khá
74	DH43KN004	H Th o	Nguyễn	10/03/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.22	Khá
75	DH43KN004	Nguy n Ng c Y n	Nhi	26/05/1999	N	TP. H Ch´ Minh	6.89	TB Khá
76	DH43KN004	Nguy n Th H ng	Nhung	04/01/1999	N	Bjnh Thu n	7.36	Khá
77	DH43KN004	Nguy n Ho©ng	Phi	30/03/1999	Nam	Bjnh ñ nh	7.19	Khá
78	DH43KN004	Tr n Huinh Th o	S ng	18/09/1999	N	Qu ng Ng-i	7.63	Khá
79	DH43KN004	Tr ng Nh	Th o	30/12/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.25	Khá
80	DH43KN004	ñ Th y Minh	Th	26/02/1999	N	ñ ng Th´p	8.13	Gi i
81	DH43KN004	Ng» L² Ph ng	Thy	07/07/1999	N	Long An	7.36	Khá
82	DH43KN004	Phong Tuy t	Trân	20/07/1999	N	TP. H Ch´ Minh	6.82	TB Khá
83	DH43KN004	Tr ng Minh	Tu n	23/01/1999	Nam	Th a Thi²n Hu	7.70	Khá
84	DH43KN004	Tr n Th T	Uyên	06/05/1999	N	Kon Tum	8.54	Gi i
85	DH43KN004	Tr n Th Thanh	Vui	03/12/1996	N	Tây Ninh	8.25	Gi i
86	DH43KN005	Nguy n Ho©ng	Ân	13/04/1999	N	Tây Ninh	7.28	Khá
87	DH43KN005	Nguy n H ng	ñ ©	23/01/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.11	Khá
88	DH43KN005	Nguy n Th Thçy	Duyên	04/02/1999	N	Vbhh Long	7.36	Khá
89	DH43KN005	Trà Minh	Hân	27/10/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.39	Khá
90	DH43KN005	Tr n Th Ng c	H ng	15/01/1999	N	Bjnh Ph c	6.96	TB Khá
91	DH43KN005	Ph m ñ c	H ng	11/12/1999	Nam	Gia Lai	7.08	Khá
92	DH43KN005	ñ © C»ng Vªn	Huy n	17/03/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.25	Gi i
93	DH43KN005	Ph m Th Minh	Linh	14/09/1999	N	Qu ng Ng-i	6.94	TB Khá
94	DH43KN005	L² Th Ng c	Ly	17/09/1999	N	Qu ng Tr	7.51	Khá
95	DH43KN005	Tr ng Ng c	Minh	12/12/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.90	Khá
96	DH43KN005	Nguy n Th o	Ngân	30/04/1999	N	Bjnh ñ nh	6.90	TB Khá

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
97	DH43KN005	Nguy n Tr ng T¾	Nghi	07/01/1999	N	Khánh Hòa	6.98	TB Khá
98	DH43KN005	Huunh Chªu	Nguyên	09/12/1999	N	Kon Tum	7.36	Khá
99	DH43KN005	Nguy n Th Quunh	Nhung	12/08/1999	N	Ngh An	7.43	Khá
100	DH43KN005	Tr n Tho i	Phi	06/08/1999	N	Bjnh ñ nh	7.33	Khá
101	DH43KN005	S n T»n Duy	Thu n	13/08/1999	Nam	An Giang	7.07	Khá
102	DH43KN005	Tr n Trung	Tín	18/04/1999	Nam	Kiên Giang	7.17	Khá
103	DH43KN005	VHCB o	Trân	25/04/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.54	Khá
104	DH43KN005	Nguy n Phan Thçy	Trang	26/10/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.44	Khá
105	DH43KN005	L² Nguy n Lan	Tuy n	04/03/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.87	Khá
106	DH43KN005	L² Th	Vân	14/06/1999	N	Bjnh Ph c	7.52	Khá
107	DH43KN005	Ng» Th Ng c	V ng	11/12/1999	N	Ti n Giang	7.67	Khá
108	DH43KN005	Huunh Kim	Xuân	25/05/1999	N	An Giang	6.88	TB Khá
109	DH43KN006	Bùi Lê Vân	Anh	13/10/1999	N	Thái Bình	7.15	Khá
110	DH43KN006	Tr nh Th	Ánh	28/06/1998	N	Ngh An	7.50	Khá
111	DH43KN006	T Th Minh	Châu	04/06/1999	N	Qu ng Ng-i	7.48	Khá
112	DH43KN006	Ph m Thanh	D ng	12/02/1999	Nam	Bjnh ñ nh	7.02	Khá
113	DH43KN006	Ph m Ng c	H i	26/10/1999	Nam	Ninh Bình	7.39	Khá
114	DH43KN006	Tr n B o	Hân	11/07/1999	N	B c Li²u	7.37	Khá
115	DH43KN006	V½Th Thu	H ng	23/03/1999	N	H©TBhh	7.72	Khá
116	DH43KN006	ñ ng Nguy²n Thanh	H ng	06/09/1999	N	Bjnh ñ nh	7.03	Khá
117	DH43KN006	Nguy n Th	Huy n	07/03/1998	N	H i D ng	7.26	Khá
118	DH43KN006	L² H ng Trung	Kiên	15/11/1999	Nam	Ngh An	7.26	Khá
119	DH43KN006	VHÇ c	Minh	17/04/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.17	Khá
120	DH43KN006	Nguy n Th	Ngân	16/06/1999	N	Ngh An	8.22	Gi i
121	DH43KN006	Ph ng VBhh	Nghi	23/07/1999	N	Cà Mau	7.58	Khá
122	DH43KN006	Bçi Th Thanh	Ph ng	31/10/1999	N	Kon Tum	6.98	TB Khá
123	DH43KN006	Tr ng Th Thanh	Ph ng	24/01/1999	N	Qu ng Ng-i	7.27	Khá
124	DH43KN006	L² Th Ho@	Th ng	21/02/1999	N	Khánh Hòa	7.71	Khá
125	DH43KN006	Tr n Th Thanh	Thúy	28/01/1999	N	Bjnh Thu n	8.08	Gi i
126	DH43KN006	D ng Th C m	Tiên	09/10/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.10	Khá
127	DH43KN006	Ph m Nguy n Th Lang	Trình	16/08/1999	N	Qu ng Nam	7.23	Khá
128	DH43KN007	Bçi Quunh	Anh	03/09/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.39	Khá
129	DH43KN007	Bçi Th L	Giang	10/07/1999	N	Qu ng Bjnh	7.95	Khá
130	DH43KN007	Tr n Th	H i	20/04/1999	N	Qu ng Ng-i	7.29	Khá
131	DH43KN007	Tr n Gia	Hân	08/10/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.08	Khá

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
132	DH43KN007	Nguy n Th Thanh	Hoa	26/05/1999	N	ñ k L k	7.99	Khá
133	DH43KN007	L² Th Di m	H ng	21/09/1999	N	ñ k L k	7.14	Khá
134	DH43KN007	Lê Trung	Kiên	13/09/1999	Nam	Kiên Giang	7.56	Khá
135	DH43KN007	Phan Cao Di m	L	11/10/1999	N	ñ ng Nai	7.81	Khá
136	DH43KN007	Phan Th Tr¾c	Ly	21/07/1999	N	Gia Lai	7.57	Khá
137	DH43KN007	Ch H ng	My	05/09/1999	N	Cà Mau	7.66	Khá
138	DH43KN007	H Th H ng	Ng c	24/08/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.39	Gi i
139	DH43KN007	Tr ng H ng	Nhung	14/02/1999	N	Bnh Ph c	7.54	Khá
140	DH43KN007	H©Th M	Ph ng	13/10/1999	N	Ti n Giang	8.30	Gi i
141	DH43KN007	Huunh Th Tr¾c	Quunh	22/06/1999	N	Phú Yên	7.55	Khá
142	DH43KN007	Nguy n L² Uy²n	Thi	29/04/1999	N	Th a Thi²n Hu	6.89	TB Khá
143	DH43KN007	Nguy n ñ Ñng	Th	20/01/1999	N	ñ k L k	7.62	Khá
144	DH43KN007	Ng» Th Thu	Th ng	24/09/1999	N	ñ k L k	7.66	Khá
145	DH43KN007	Lªm C m	Tiên	07/12/1999	N	TP. H Ch´ Minh	6.88	TB Khá
146	DH43KN007	Tr n B ch Ki u	Trinh	21/04/1999	N	Qu ng Ng-i	7.14	Khá
147	DH43KN007	Lĩ T ng	Vy	05/03/1999	N	B©R a - VHo g T@u	7.10	Khá
148	DH43KN007	L² Th Nh t	Ý	15/01/1999	N	Bnh Thu n	7.07	Khá
149	DH43KN008	H©Ph ng	Anh	12/06/1999	N	ñ ng Th`p	7.74	Khá
150	DH43KN008	V½Ng c	B o	23/08/1999	Nam	H©TBhh	7.98	Khá
151	DH43KN008	L² Th Linh	Chi	21/11/1999	N	Thái Bình	7.72	Khá
152	DH43KN008	Huang Y	Hàn	17/02/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.09	Khá
153	DH43KN008	ñ inh Th Thu	H nh	19/10/1999	N	Lªm ñ ng	7.89	Khá
154	DH43KN008	Nguy n Th	H ng	12/10/1999	N	Bnh Ph c	7.55	Khá
155	DH43KN008	Nguy n Th Thu	Huy n	07/06/1999	N	Gia Lai	7.67	Khá
156	DH43KN008	Tr n Th Tuy t	Linh	27/04/1999	N	B©R a - VHo g T@u	6.86	TB Khá
157	DH43KN008	Nguy n Th Tuy t	Nga	30/12/1999	N	Bnh D ng	7.21	Khá
158	DH43KN008	Nguy n Th Tuy t	Ngân	27/11/1999	N	Long An	7.32	Khá
159	DH43KN008	L² Tr n Thi²n	Phú	19/09/1999	Nam	B©R a - VHo g T@u	7.68	Khá
160	DH43KN008	H Th	Ph ng	25/07/1999	N	Qu ng Ng-i	7.78	Khá
161	DH43KN008	H©Mai VBhh	Quí	15/08/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	8.04	Gi i
162	DH43KN008	Lªm Tuy t	Quunh	13/07/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.81	Khá
163	DH43KN008	L² Th Di u	Th o	04/11/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.71	Khá
164	DH43KN008	Nguy n Minh	Th	06/05/1999	N	Qu ng Ng-i	7.58	Khá
165	DH43KN008	Nguy n Huunh Th y	Tiên	05/09/1999	N	Long An	7.40	Khá
166	DH43KN008	B¿i Th B´ch	Trâm	15/03/1999	N	Qu ng Ng-i	7.48	Khá

STT	L p	H v©t²n	Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
167	DH43KN008	Lê Thanh Trú	01/07/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.13	Khá
168	DH43KN008	L² Th T ng	30/11/1999	N	Ti n Giang	8.46	Gi i
169	DH43KN008	Tr nh Th Nh	17/07/1999	N	Qu ng Ng-i	7.70	Khá
170	DH43KN009	Ho®g Huuñh Di p	11/03/1999	N	B©R a - VHo®g T®	7.12	Khá
171	DH43KN009	V½Vñ H ng	08/05/1999	Nam	B©R a - VHo®g T®	7.07	Khá
172	DH43KN009	Tr ng Ho®g Kim	14/10/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.85	Khá
173	DH43KN009	T Th	04/03/1999	N	Bph ñ nh	7.37	Khá
174	DH43KN009	Cao Th Thu	07/02/1999	N	Qu ng Bph	7.45	Khá
175	DH43KN009	Huuñh ñ »ng Minh	14/11/1999	N	Phú Yên	8.09	Gi i
176	DH43KN009	Ph m Vñ	27/06/1999	Nam	H i D ng	8.06	Gi i
177	DH43KN009	Phan Th M	19/01/1999	N	Long An	7.29	Khá
178	DH43KN009	Ph m Thanh	16/05/1999	N	Th a Thi²n Hu	8.19	Gi i
179	DH43KN009	Nguy n Th¾y	15/04/1999	N	H©Tbñh	7.37	Khá
180	DH43KN009	V½Nguy²n Uy n	23/09/1999	N	Qu ng Tr	7.06	Khá
181	DH43KN009	L² V nh	12/05/1999	Nam	Ti n Giang	7.74	Khá
182	DH43KN009	Nguy n Th H ng	07/11/1999	N	L³m ñ ng	8.05	Gi i
183	DH43KN009	Nguy n L²	01/10/1999	N	Bph ñ nh	7.25	Khá
184	DH43KN009	Nguy n Th y B'ch	10/09/1999	N	L³m ñ ng	7.94	Khá
185	DH43KN009	Tr n Th Ho®	08/03/1999	N	L³m ñ ng	7.46	Khá
186	DH43KN009	Phan Th M	28/12/1999	N	L³m ñ ng	7.71	Khá
187	DH43KN009	Huuñh Th Huy n	07/03/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.76	Khá
188	DH43KN009	L² Th	06/08/1999	N	Qu ng Ng-i	7.45	Khá
189	DH43KN009	Nguy n Th Th½y	09/08/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.11	Khá
190	DH43KN009	H®g Ng c M	15/04/1999	N	Phú Yên	7.59	Khá
191	DH43KN009	Nguy n Huuñh	07/11/1999	N	An Giang	7.65	Khá
192	DH43KN009	Ho®g Ng c Ti u	26/06/1999	N	Kiên Giang	7.86	Khá
193	DH43KN010	Phan L² Nh t	28/04/1999	N	Th a Thi²n Hu	7.34	Khá
194	DH43KN010	Nguy n Th Tr¾c	10/05/1999	N	Bph ñ nh	7.38	Khá
195	DH43KN010	Nguy n ñ c H nh	22/07/1999	N	Khánh Hòa	8.20	Gi i
196	DH43KN010	Huuñh Ng c	28/11/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.89	Khá
197	DH43KN010	Nguy n Th Thanh	08/08/1999	N	Bph ñ nh	7.50	Khá
198	DH43KN010	VHo®g c Thi²n	11/07/1999	N	TP. H Ch' Minh	7.61	Khá
199	DH43KN010	B½i L² Th o	02/02/1999	N	Qu ng Bph	7.61	Khá
200	DH43KN010	VHo®g c Kh'nh	04/03/1999	N	An Giang	7.46	Khá
201	DH43KN010	Ph m Th Th o	29/11/1999	N	Ti n Giang	7.39	Khá

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñ i m TB	X p h ng
202	DH43KN010	Tr n Th Thanh	Nga	18/03/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.03	Gi i
203	DH43KN010	Ph m Th Kim	Ngân	04/01/1999	N	Võnh Long	7.64	Khá
204	DH43KN010	Nguy n H u	Nhân	10/08/1999	Nam	An Giang	6.64	TB Khá
205	DH43KN010	V½Thanh Uy n	Nhi	13/11/1999	N	Khánh Hòa	7.10	Khá
206	DH43KN010	L² Ng» Tuy t	Ni	31/10/1999	N	Qu ng Nam	7.66	Khá
207	DH43KN010	L² H©B o	Ph ng	13/11/1999	N	L³ m ñ ng	7.64	Khá
208	DH43KN010	Nguy n Th Nh	Quunh	09/05/1999	N	Tây Ninh	7.41	Khá
209	DH43KN010	Phçng Th Ph ng	Th o	10/03/1999	N	Ninh Thu n	6.92	TB Khá
210	DH43KN010	V½Th Hoçng	Th	09/06/1999	N	B©R a - VHoçg Tçu	7.15	Khá
211	DH43KN010	VIOTh Ng c	Th ng	01/11/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.19	Khá
212	DH43KN010	ñ ng Th Ph ng	Th y	20/02/1999	N	Bjnh Ph c	7.09	Khá
213	DH43KN010	Tr n C m	Tiên	29/11/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.95	Khá
214	DH43KN010	Huunh Th Mai	Trâm	14/02/1999	N	Bjnh ñ nh	7.15	Khá
215	DH43KN010	H Th T¾	Uyên	25/11/1999	N	Bjnh Thu n	7.71	Khá
216	DH43KN010	Nguy n Th Tr ng	Vy	19/09/1999	N	B n Tre	7.13	Khá
217	DH43KN010	Nguy n Ph¾c Kim	Y n	15/10/1999	N	Bjnh Thu n	7.41	Khá
T ng s : 217 sinh vi² n								

TP. H Ch´ Minh, ng©y 20 th`ng 4 nñm 2021.

TL. HI U TR NG
KT. TR NG PHđ NG ñ i O T O
PHđ' TR NG PHđ NG

DANH S ấ CH SINH VI ấ N ấ ấ I U KI N T T NGHI P ấ T 1 N ấ M 2021
KH ấ A 43 CLC - ấ I H C CH ấ NH QUY

(K ấ m theo quy t L nh s : /Q ấ - ấ HKT- ấ T ng ấ)

NG ấ NH : K TO ấ N
CHUY ấ N NG ấ NH : KI M TO ấ N

STT	L p	H v ấ t ấ n	Ngày sinh	Gi i t ấ nh	N i sinh	ấ i m TB	X p h ng
1	DH43KIC01.	Hu ấ nh Lan Anh	06/06/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.44	Khá
2	DH43KIC01.	Ph m Ng c ấ nh	24/02/1999	N	Qu ng Nam	7.16	Khá
3	DH43KIC01.	Nguy n V ấ L B ấ nh	21/10/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.56	Khá
4	DH43KIC01.	Lê Lý Thúy Dung	20/01/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.71	Khá
5	DH43KIC01.	Nguy n Vi t DI ấ g	08/11/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	7.52	Khá
6	DH43KIC01.	Nguy n Anh Kh D ấ y ấ n	17/08/1999	N	L ấ m ấ ng	7.77	Khá
7	DH43KIC01.	B ấ i Th Di m H ng	19/07/1999	N	Khá nh Hoà	6.99	TB Khá
8	DH43KIC01.	Hán Minh Hi n	23/08/1999	N	Khá nh Hoà	6.91	TB Khá
9	DH43KIC01.	Tr n Ng c Hi n	30/10/1999	N	B n Tre	7.76	Khá
10	DH43KIC01.	ấ nh Th Thu Huy n	07/06/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.99	Khá
11	DH43KIC01.	H Hi u Khang	29/08/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	7.14	Khá
12	DH43KIC01.	V ng ấ nh Khôi	07/03/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	7.39	Khá
13	DH43KIC01.	Nguy n Ho ấ ng Ng c Mai	03/05/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	6.95	TB Khá
14	DH43KIC01.	Nguy n Ph ng ấ i My	16/12/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	8.24	Gi i
15	DH43KIC01.	VH Th H ấ My	13/09/1999	N	L ấ m ấ ng	7.00	Khá
16	DH43KIC01.	Tr n Th Kim Nga	15/02/1999	N	B ấ nh Thu n	7.65	Khá
17	DH43KIC01.	VH L ấ Th ấ i Ng c	17/04/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.42	Khá
18	DH43KIC01.	VH Phan Minh Nguy t	13/07/1999	N	Khá nh Hoà	6.98	TB Khá
19	DH43KIC01.	D ng Th Y n Nhi	20/01/1999	N	B c Li ấ u	7.24	Khá
20	DH43KIC01.	Tr n Ng c ấ i Quy ấ n	24/08/1999	N	Ti n Giang	7.18	Khá
21	DH43KIC01.	Nguy n Ng c Ph ng Qu ấ nh	05/06/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	8.00	Gi i
22	DH43KIC01.	Tr ng Th Ph ng Th o	27/11/1996	N	ấ ng Nai	7.83	Khá
23	DH43KIC01.	Tr ng Th Thu Th o	15/03/1999	N	ấ k L k	7.13	Khá
24	DH43KIC01.	Ph m Th Minh Th	22/02/1999	N	Th a Thi ấ n Hu	7.89	Khá
25	DH43KIC01.	Tr n L ấ Th y Tiên	27/06/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	7.77	Khá
26	DH43KIC01.	Bùi Phúc Toàn	20/09/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	7.89	Khá

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñ i m TB	X p h ng
27	DH43KIC01.	Ng» Nguy n Nh	Trân	31/12/1999	N	TP. H Ch´ Minh	6.79	TB Khá
28	DH43KIC01.	Phan Minh	Trí	18/08/1999	Nam	ñ ng Nai	7.02	Khá
29	DH43KIC01.	ñ oñ Ki u	Trinh	05/12/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.52	Khá
30	DH43KIC01.	Tr n B o	Y n	06/05/1999	N	Khánh Hoà	7.20	Khá
31	DH43KIC02.	Nguy n T n	B o	26/08/1999	Nam	Bph D ng	7.10	Khá
32	DH43KIC02.	ñ M ng Thçy	D ng	12/06/1999	N	Long An	6.88	TB Khá
33	DH43KIC02.	Tr n Ph m H ng	Giang	15/12/1999	N	Qu ng Ng-i	7.61	Khá
34	DH43KIC02.	H Kh`nh	Hà	24/07/1999	N	Khánh Hoà	7.30	Khá
35	DH43KIC02.	Phan Trung	Hi u	03/11/1999	Nam	Bph D ng	6.96	TB Khá
36	DH43KIC02.	Nguy n Th Kh`nh	Huy n	08/09/1999	N	Ngh² An	8.46	Gi i
37	DH43KIC02.	Nguy n Quinh	Mai	26/08/1999	N	ñ ng Nai	7.17	Khá
38	DH43KIC02.	Vòng Nguyên	M n	19/09/1999	N	Khánh Hoà	7.85	Khá
39	DH43KIC02.	Nguy n T ng	Nguyên	02/10/1999	Nam	Long An	7.07	Khá
40	DH43KIC02.	Bçi Tr n Huinh	Nh	25/06/1999	N	ñ ng Th`p	7.45	Khá
41	DH43KIC02.	Nguy n Y n	Nh	26/06/1999	N	B©R a - Vñg Tñ	7.20	Khá
42	DH43KIC02.	Nguy n T n	Phát	24/07/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.09	Khá
43	DH43KIC02.	Phan Th Nh	Ph ng	11/12/1999	N	Qu ng Bph	7.45	Khá
44	DH43KIC02.	Nguy n H u Nh t	Tân	11/06/1999	Nam	Ti n Giang	7.64	Khá
45	DH43KIC02.	Nguy n Minh	Th	02/04/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.68	Khá
46	DH43KIC02.	Hoñg Th Ng c	Thúy	19/11/1999	N	H©Tñh	7.72	Khá
47	DH43KIC02.	ñ oñ B o	Trân	03/04/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.31	Gi i
48	DH43KIC02.	VIOTh Thanh	Trang	06/02/1999	N	L³ m ñ ng	7.41	Khá
49	DH43KIC02.	Hoñg Kh c	Trí	26/12/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.35	Khá
50	DH43KIC02.	Mai Thanh	Tú	18/11/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.86	Khá
51	DH43KIC02.	Bçi Nguy n Hoñg	Tùng	01/08/1999	N	L³ m ñ ng	7.49	Khá
52	DH43KIC02.	Nguy n Hoñg	Tùng	28/02/1999	Nam	ñ ng Nai	7.24	Khá
53	DH43KIC02.	ñ © L² Xu³ n	Vñh	06/06/1999	Nam	Bph ñ nh	7.99	Khá
54	DH43KIC02.	Nguy n Th Ng c	Y n	04/04/1999	N	Cà Mau	7.76	Khá

T ng s : 54 sinh vi² n

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2021.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

DANH S ấ CH SINH VI ấ N ấ ấ I U KI N T T NGHI P ấ T 1 N ấ M 2021
KH ấ A 43 - ấ I H C CH ấ NH QUY

(K ấ m theo quy t L nh s : /Q ấ - ấ HKT - ấ T ng ấ)

NG ấ NH : K TO ấ N
CHUY ấ N NG ấ NH : KI M TO ấ N

STT	L p	H v ấ t ấ n	Ngày sinh	Gi i t ấ nh	N i sinh	ấ i m TB	X p h ng
1	DH43KI001	L ấ Kh i Anh	11/01/1999	Nam	V ấ h Long	7.46	Khá
2	DH43KI001	V ấ ấ nh B ng	05/01/1999	Nam	B ấ nh D ng	7.55	Khá
3	DH43KI001	Tr n Quang ấ nh	17/01/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	8.68	Gi i
4	DH43KI001	Nguy n ấ c Duy	30/09/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	8.00	Gi i
5	DH43KI001	Ho ấ ng Th M D ấ y ấ n	17/11/1999	N	B ấ nh ấ nh	7.91	Khá
6	DH43KI001	V ấ Th M D ấ y ấ n	19/06/1999	N	Qu ng Nam	8.20	Gi i
7	DH43KI001	L ấ Tr ng Giang	30/06/1999	Nam	ấ ng Th ấ p	8.05	Khá
8	DH43KI001	Tr n Minh H ng Giang	16/04/1999	N	Khá nh Hòa	8.18	Gi i
9	DH43KI001	L ấ Th Th ấ y Hà	18/12/1999	N	B ấ nh ấ nh	8.23	Gi i
10	DH43KI001	ấ Th Th ấ y H ng	11/12/1999	N	L ấ m ấ ng	8.01	Gi i
11	DH43KI001	Ng ấ V ấ h H o	02/11/1999	N	Ti n Giang	8.33	Gi i
12	DH43KI001	Tr n Th Thu Hi n	25/11/1999	N	Qu ng Tr	8.68	Gi i
13	DH43KI001	H Th Minh H ng	15/04/1999	N	Khá nh Hòa	8.12	Gi i
14	DH43KI001	Tr ng Gia Huy	25/12/1999	Nam	TP. H Ch ấ Minh	8.33	Gi i
15	DH43KI001	Nguy n Thu Huy n	09/04/1999	N	Ki ấ n Giang	7.55	Khá
16	DH43KI001	Nguy n Ho ấ ng Kh ấ nh Linh	31/07/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	8.10	Gi i
17	DH43KI001	Ph m Th Kim Loan	16/02/1999	N	Qu ng Nam	8.05	Gi i
18	DH43KI001	L ấ Th Ph c Ly	28/11/1999	N	ấ k L k	8.20	Gi i
19	DH43KI001	L ấ Ng c Mai	24/03/1999	N	Qu ng B ấ nh	7.94	Khá
20	DH43KI001	Nguy n Ng ấ Thanh Ng ấ n	27/10/1999	N	Khá nh Hòa	8.00	Gi i
21	DH43KI001	Tr n Th Y n Nhi	06/12/1999	N	TP. H Ch ấ Minh	8.05	Gi i
22	DH43KI001	Tr ng Y n Nhi	02/01/1999	N	ấ ng Th ấ p	8.13	Gi i
23	DH43KI001	Tr n Th Tr ấ nh N	26/11/1999	N	Qu ng B ấ nh	8.29	Gi i
24	DH43KI001	Nguy n H nh Ph ấ c	19/10/1999	N	Long An	7.54	Khá
25	DH43KI001	ấ Ng c Minh Ph ng	16/08/1999	N	ấ ng Nai	7.52	Khá
26	DH43KI001	Nguy n Ng c Thanh Quy ấ n	05/07/1999	N	An Giang	8.54	Gi i

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
27	DH43KI001	Tr n Th Xuª n	Quunnh	12/12/1999	N	ñ ©N ng	7.66	Khá
28	DH43KI001	Nguy n Th Hoa	Sen	29/04/1999	N	Long An	8.28	Gi i
29	DH43KI001	VHCho®g Anh	Th o	29/12/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.40	Khá
30	DH43KI001	Ph m Kh c	Thiên	11/10/1999	Nam	Bjnh D ng	7.55	Khá
31	DH43KI001	H Th Minh	Th	28/12/1999	N	Bjnh ñ nh	8.36	Gi i
32	DH43KI001	Ph m VHHo@	Th ng	14/01/1999	N	Lª m ñ ng	8.63	Gi i
33	DH43KI001	VHHuy	Toàn	13/04/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.50	Khá
34	DH43KI001	Nguy n Ng c	Trâm	06/09/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.83	Khá
35	DH43KI001	Tr n Hu	Trân	22/10/1999	N	B n Tre	8.12	Gi i
36	DH43KI001	Nguy n Th	Trang	27/11/1999	N	B©R a - VHHg T@	7.74	Khá
37	DH43KI001	Nguy n Th@h Minh	Trí	30/10/1999	Nam	Long An	7.71	Khá
38	DH43KI001	Nguy n Thanh	Trúc	08/08/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.12	Gi i
39	DH43KI001	Ngô Xuân	Tr ng	24/06/1999	Nam	Khánh Hòa	8.39	Gi i
40	DH43KI001	Ph m Th T ng	Vi	13/04/1999	N	Phú Yên	7.52	Khá
41	DH43KI001	Huunnh T» Th¾y	Vy	16/11/1999	N	Khánh Hòa	8.18	Gi i
42	DH43KI001	VHL² Khñh	Vy	24/08/1999	N	B n Tre	8.46	Gi i
43	DH43KI001	Nguy n Th Ng c	Ý	16/11/1999	N	Long An	8.19	Gi i
44	DH43KI002	Nguy n Th Ng c	Ánh	13/01/1999	N	ñ k L k	7.69	Khá
45	DH43KI002	Nguy n Th Ng c	Di p	09/12/1999	N	Qu ng Nam	8.41	Gi i
46	DH43KI002	ñ @ ñ i	DHHg	07/04/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	7.75	Khá
47	DH43KI002	Mai Th Xuª n	Duyên	28/04/1999	N	Qu ng Nam	8.33	Gi i
48	DH43KI002	ñ o@ Th H ng	Giang	01/09/1999	N	ñ ng Nai	7.83	Khá
49	DH43KI002	VHH ng	Giang	18/06/1999	N	Nam ñ nh	8.30	Gi i
50	DH43KI002	Phan H ng	Hà	05/06/1999	Nam	An Giang	8.25	Gi i
51	DH43KI002	Nguy n Th L	H ng	06/05/1999	N	Qu ng Nam	8.06	Khá
52	DH43KI002	Nguy n Th M	H o	20/10/1999	N	Qu ng Ng-i	8.59	Gi i
53	DH43KI002	V½Th	Hi n	14/07/1999	N	ñ k L k	8.81	Gi i
54	DH43KI002	Ph m Th B´ch	Huy	21/09/1999	N	Qu ng Nam	8.33	Gi i
55	DH43KI002	L² Th Thu	Huy n	06/03/1999	N	ñ k L k	7.36	Khá
56	DH43KI002	L² Phan Thuuu	Linh	15/02/1999	N	Bjnh ñ nh	8.45	Gi i
57	DH43KI002	Phan Ho®g Di u	Linh	22/07/1999	N	Qu ng Tr	8.24	Gi i
58	DH43KI002	Nguy n Tr ng Thi²n	L c	12/01/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	8.17	Gi i
59	DH43KI002	Nguy n L² Êi	Ly	26/04/1999	N	Bjnh ñ nh	7.63	Khá
60	DH43KI002	Ngô Quang	Minh	07/01/1999	Nam	TP. H Ch´ Minh	8.15	Gi i
61	DH43KI002	Tr n Thi²n Ph ng	Nhi	14/08/1999	N	TP. H Ch´ Minh	8.85	Gi i

STT	L p	H v©t²n		Ngày sinh	Gi i tnh	N i sinh	ñi m TB	X p h ng
62	DH43KI002	Tr n ñ Khi t	Nh	03/01/1999	N	B©R a - V Hg T	8.28	Gi i
63	DH43KI002	Ph m Th	N ng	08/11/1999	N	Qu ng Nam	7.88	Khá
64	DH43KI002	Bùi Thu	Ph ng	14/09/1999	N	B©R a - V Hg T	8.16	Gi i
65	DH43KI002	L² Vñ	Qu c	04/09/1999	Nam	Cà Mau	7.89	Khá
66	DH43KI002	Mai Nguy n Di m	Quanh	31/07/1999	N	Kon Tum	7.68	Khá
67	DH43KI002	Lê Thanh	Sang	16/09/1999	Nam	B c Li²u	7.84	Khá
68	DH43KI002	ñ Th Nh	Tâm	18/06/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.94	Khá
69	DH43KI002	ñ o Ng c Kim	Thanh	04/09/1999	N	TP. H Ch´ Minh	7.86	Khá
70	DH43KI002	Nguy n Th Thu	Th o	23/05/1999	N	Qu ng Nam	7.83	Khá
71	DH43KI002	ñ Trung	Thiên	02/11/1999	Nam	Long An	7.95	Khá
72	DH43KI002	L² Nguy n Kh	Thùy	12/08/1999	N	C n Th	8.66	Gi i
73	DH43KI002	Tr ng Th Thu	Th y	18/07/1999	N	Qu ng Bnh	8.04	Gi i
74	DH43KI002	Nguy n Ph¼c B o	Trân	26/09/1999	N	ñ ©N ng	7.56	Khá
75	DH43KI002	ñ Mai Ph ng	Trang	19/12/1999	N	ñ ng Nai	8.49	Gi i
76	DH43KI002	Ph m Tr n ñ oan	Trang	06/05/1999	N	Bnh D ng	8.03	Gi i
77	DH43KI002	Tr n Th´i Mai	Trình	31/05/1999	N	Ninh Thu n	8.04	Gi i
78	DH43KI002	Phan Quang	Trung	28/06/1999	Nam	Phú Yên	8.17	Gi i
79	DH43KI002	Nguy n Minh	Tu n	08/03/1999	Nam	C n Th	7.62	Khá
80	DH43KI002	H©Th Thanh	Vân	17/04/1999	N	Phú Yên	7.80	Khá
81	DH43KI002	N»ng M	Vân	29/01/1999	N	ñ ng Nai	7.74	Khá
82	DH43KI002	Nguy n Ho	VIO	20/04/1999	Nam	Bnh D ng	8.07	Gi i
83	DH43KI002	Nguy n Th Tuy t	Xuân	10/08/1999	N	Qu ng Ng-i	7.72	Khá
84	DH43KI002	L² Ng c	Y n	02/06/1999	N	ñ ng Nai	8.07	Gi i
T ng s : 84 sinh vi² n								

TP. H Ch´ Minh, ng©y 20 th`ng 4 nñm 2021.

TL. HI U TR NG
KT. TR NG PHđ NG ñi O T O
PHđ' TR NG PHđ NG